PHẦN VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015.

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.[1]

---

[1] Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây được gọi tắt là Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT)."

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên tại Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi tắt là Trung tâm đăng kiểm).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới (sau đây gọi tắt là kiểm định).

2. Thông tư này không áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm định xe cơ giới của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Lãnh đạo Trung tâm đăng kiểm bao gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc.

2. Nhân viên Trung tâm đăng kiểm bao gồm: Phụ trách dây chuyền, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ.

3. Đăng kiểm viên bao gồm các hạng: Đăng kiểm viên xe cơ giới và đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao.

Chương II
TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN CỦA LÃNH ĐẠO NHÂN VIÊN TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM

Điều 4. Tiêu chuẩn chung của lãnh đạo và nhân viên

Lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm nếu là công chức, viên chức phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về công chức, viên chức.

Điều 5. Tiêu chuẩn của nhân viên nghiệp vụ

1. Trình độ chuyên môn: tối thiểu tốt nghiệp trung cấp nghề.

2. Trình độ nghiệp vụ: được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành lớp Tập huấn nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm xe cơ giới theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này về những nội dung sau:

a) Nắm vững các văn bản quy định, quy trình kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ liên quan đến công tác kiểm định xe cơ giới;

b) Sử dụng thành thạo các chương trình phần mềm phục vụ công tác đăng kiểm: chương trình quản lý kiểm định xe cơ giới; chương trình tra cứu từ xa, tra cứu phương tiện nhập khẩu và sản xuất lắp ráp; chương trình cảnh báo các phương

tiện không được kiểm định, phương tiện không đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; các chương trình tra cứu kiểu loại phương tiện.

3. Trình độ Tiếng Anh: tối thiểu trình độ A hoặc tương đương.

Điều 6. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng kiểm viên xe cơ giới[2]

1. Trình độ chuyên môn: tốt nghiệp đại học chuyên ngành đào tạo Công nghệ kỹ thuật ô tô hoặc ngành đào tạo Kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, trong chương trình đào tạo (hoặc đào tạo bổ sung các tín chỉ tại các trường đại học) phải có các nội dung sau: lý thuyết ô tô, cấu tạo ô tô, kết cấu tính toán ô tô, bảo dưỡng kỹ thuật ô tô, động cơ đốt trong và điện ô tô.

2. Trình độ tiếng Anh: tối thiểu trình độ A hoặc tương đương.

3. Tham gia lớp Tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm xe cơ giới do Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức và được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành lớp Tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm xe cơ giới.

4. Kinh nghiệm công tác: có tối thiểu 02 năm làm việc trực tiếp theo ngành nghề đào tạo quy định tại khoản 1 Điều này tại các cơ sở sửa chữa, bảo dưỡng, sản xuất, lắp ráp ô tô (có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật) hoặc có tối thiểu 06 tháng tập sự tại Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới.

5. Được Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam công nhận, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới theo mẫu quy định tại Phụ lục 1[*] ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao[3]

1. Là đăng kiểm viên xe cơ giới có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm.

2. Trình độ tiếng Anh: tối thiểu trình độ B hoặc tương đương; đọc, hiểu và dịch được các thông số kỹ thuật cơ bản của ô tô bằng ngôn ngữ tiếng Anh.

3. Tham gia lớp Tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm xe cơ giới bậc cao do Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức và được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành lớp Tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm xe cơ giới bậc cao.

---

[2] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015.

[3] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015.

[*] *Ghi chú*:

Trong Văn bản hợp nhất này Phụ lục 1 được thể hiện bằng Phụ lục 3 vì: theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT thì Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT được thay thế cho Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT.

4. Được Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam công nhận, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao theo mẫu quy định tại Phụ lục 1* ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện phụ trách dây chuyền

1. Là đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao.

2. Được thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm.

Điều 9. Tiêu chuẩn, điều kiện lãnh đạo Trung tâm đăng kiểm[4]

1. Kinh nghiệm thực tế: có thời gian làm đăng kiểm viên xe cơ giới tối thiểu là 03 năm.

2. Được thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm theo quy định.

Chương III
NHIỆM VỤ CỦA LÃNH ĐẠO, NHÂN VIÊN TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM

Điều 10. Nhiệm vụ của nhân viên nghiệp vụ

Nhân viên nghiệp vụ thực hiện các nhiệm vụ dưới đây theo sự phân công của lãnh đạo Trung tâm:

1. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, đăng ký kiểm định, thu phí, lệ phí xe cơ giới vào kiểm định.

2. Nhập dữ liệu, tra cứu, đối chiếu hồ sơ xe cơ giới vào kiểm định.

3. In ấn, cấp phát chứng chỉ kiểm định.

4. Ghi hồ sơ, sổ quản lý phục vụ công tác đăng kiểm.

5. Thống kê, báo cáo, cập nhật dữ liệu đăng kiểm.

6. Tiếp nhận, quản lý, lưu trữ hồ sơ, ấn chỉ kiểm định.

7. Tham gia tập huấn cập nhật, bổ sung về chuyên môn nghiệp vụ (nếu có).

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của lãnh đạo Trung tâm.

Điều 11. Nhiệm vụ của đăng kiểm viên xe cơ giới

Đăng kiểm viên xe cơ giới thực hiện các nhiệm vụ dưới đây theo sự phân công của lãnh đạo Trung tâm:

1. Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

2. Kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo.

---

[4] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015.

* *Ghi chú*:

Trong Văn bản hợp nhất này Phụ lục 1 được thể hiện bằng Phụ lục 3 vì: theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT thì Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT được thay thế cho Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT.

3. Giám định trạng thái kỹ thuật xe cơ giới; giám định sự cố, tai nạn liên quan đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

4. Kiểm tra sự hoạt động và bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, dụng cụ kiểm định được phân công.

5. Tham gia đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.

6. Hướng dẫn thực hành cho học viên đã hoàn thành lớp Tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm xe cơ giới.

7. Tham gia tập huấn cập nhật, bổ sung về chuyên môn nghiệp vụ (nếu có).

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của lãnh đạo Trung tâm.

Điều 12. Nhiệm vụ của đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao

Đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao thực hiện các nhiệm vụ dưới đây theo sự phân công của lãnh đạo Trung tâm:

1. Thực hiện những nhiệm vụ của đăng kiểm viên xe cơ giới theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này.

2. Chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nội dung tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm.

3. Tham mưu cho lãnh đạo Trung tâm về những vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ khi có yêu cầu.

4. Xác định nguyên nhân hư hỏng của các hệ thống, tổng thành chính của xe và giám định tai nạn giao thông đường bộ nghiêm trọng.

5. Thẩm định thiết kế, nghiên cứu, đề xuất nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá các kết cấu mới, đặc biệt trang bị trên xe cơ giới.

6. Hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ và đánh giá học viên, đăng kiểm viên xe cơ giới.

7. Tham gia tập huấn cập nhật; bổ sung về chuyên môn nghiệp vụ (nếu có).

Điều 13. Nhiệm vụ của phụ trách dây chuyền

Phụ trách dây chuyền thực hiện các nhiệm vụ dưới đây theo sự phân công của lãnh đạo Trung tâm:

1. Thực hiện những nhiệm vụ của đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này.

2. Phân công nhiệm vụ cho đăng kiểm viên trên dây chuyền kiểm định (nếu có ủy quyền của lãnh đạo Trung tâm đăng kiểm).

3. Hướng dẫn, kiểm tra việc kiểm định của các đăng kiểm viên trên dây chuyền.

4. Kiểm tra bảo đảm sự hoạt động của thiết bị dụng cụ kiểm định trên dây chuyền theo quy định.

5. Tham gia đào tạo cập nhật, bổ sung về chuyên môn nghiệp vụ (nếu có).

Điều 14. Nhiệm vụ của lãnh đạo Trung tâm đăng kiểm

1. Tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát công tác đăng kiểm của Trung tâm đảm bảo đúng quy định.

2. Tổ chức triển khai các nhiệm vụ khác theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Chương IV
QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA LÃNH ĐẠO, NHÂN VIÊN TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM

Điều 15. Quyền hạn, trách nhiệm của nhân viên nghiệp vụ

1. Có quyền yêu cầu chủ phương tiện cung cấp đủ các giấy tờ cần thiết khi xe vào kiểm định theo quy định.

2. Có quyền từ chối tiếp nhận xe vào kiểm định khi chủ phương tiện không cung cấp đủ các giấy tờ cần thiết theo quy định.

3. Có quyền bảo lưu và báo cáo cấp trên khi ý kiến của mình khác với ý kiến của lãnh đạo Trung tâm.

4. Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Trung tâm và trước pháp luật về kết quả công việc được phân công.

Điều 16. Quyền hạn, trách nhiệm của đăng kiểm viên

1. Được thực hiện kiểm định các công đoạn theo sự phân công của lãnh đạo Trung tâm và phải ký xác nhận vào Phiếu lập hồ sơ phương tiện khi được phân công.

2. Có quyền bảo lưu, báo cáo cấp trên khi ý kiến của mình về kết luận đánh giá tình trạng kỹ thuật phương tiện hoặc thiết bị khác với kết luận của phụ trách dây chuyền và quyết định của lãnh đạo Trung tâm.

3. Có quyền dừng việc kiểm định đối với phương tiện và báo cáo cấp trên quyết định của mình nếu xét thấy phương tiện, thiết bị, dụng cụ kiểm tra không đảm bảo an toàn, không đảm bảo kết quả chính xác.

4. Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Trung tâm và trước pháp luật về kết quả công việc được phân công.

Điều 17. Quyền hạn, trách nhiệm của phụ trách dây chuyền

1. Được thực hiện kiểm định các công đoạn theo sự phân công của lãnh đạo Trung tâm; kết luận kết quả kiểm định và ký xác nhận vào Phiếu kiểm định theo quy định.

2. Có quyền hủy bỏ kết luận của đăng kiểm viên khi xét thấy kết luận đó chưa đúng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Có quyền dừng việc kiểm định đối với phương tiện và báo cáo cấp trên quyết định của mình nếu xét thấy phương tiện, thiết bị, dụng cụ kiểm tra không đảm bảo an toàn, không đảm bảo kết quả chính xác.

4. Có quyền bảo lưu và báo cáo cấp trên khi ý kiến của mình về kết luận đánh giá tình trạng kỹ thuật phương tiện hoặc thiết bị khác với quyết định của lãnh đạo Trung tâm.

5. Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Trung tâm và trước pháp luật về kết quả công việc được phân công.

Điều 18. Quyền hạn, trách nhiệm của lãnh đạo Trung tâm đăng kiểm

1. Được ký Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo và các hồ sơ liên quan theo quy định.

2. Có quyền hủy bỏ kết luận của phụ trách dây chuyền, đăng kiểm viên khi xét thấy kết luận đó chưa đúng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Có quyền khen thưởng và xử lý vi phạm đối với lãnh đạo, nhân viên trong Trung tâm theo quy định.

4. Chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trước pháp luật về hoạt động của Trung tâm theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương V
TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ, CÔNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN

Điều 19. Tập huấn nghiệp vụ

1. Nội dung chương trình tập huấn nghiệp vụ đối với đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ được quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này.

2. Căn cứ nội dung chương trình tập huấn quy định tại khoản 1 Điều này, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm ban hành:

a) Tài liệu tập huấn nghiệp vụ cho đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ;

b) Tiêu chuẩn cơ sở tập huấn;

c) Tiêu chuẩn đối với cán bộ tập huấn.

3. Hàng năm, Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm lập kế hoạch, tuyển sinh, tổ chức tập huấn và Giấy chứng nhận cho học viên hoàn thành lớp tập huấn.

Điều 20. Công nhận đăng kiểm viên[5]

1. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam công nhận, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục 1[*] ban hành kèm theo Thông tư này.

---

[5] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015.

[*] *Ghi chú*:

Trong Văn bản hợp nhất này Phụ lục 1 được thể hiện bằng Phụ lục 3 vì: theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT thì Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT được thay thế cho Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT.

2. Giấy chứng nhận đăng kiểm viên có thời hạn 03 năm.

3. Trong thời hạn 30 ngày trước khi Giấy chứng nhận đăng kiểm viên hết hạn, Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức đánh giá định kỳ để cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên. Kết quả đánh giá ghi vào Phiếu đánh giá đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục 2* ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Đăng kiểm viên xe cơ giới được cấp lại Giấy chứng nhận khi kết quả đánh giá định kỳ đạt tối thiểu 3/5 công đoạn. Đăng kiểm viên bậc cao được cấp lại Giấy chứng nhận khi kết quả đánh giá định kỳ đạt 5/5 công đoạn. Trường hợp kết quả đánh giá định kỳ không đạt yêu cầu thì đăng kiểm viên được đánh giá lại 01 lần trong khoảng thời gian 03 tháng kể từ ngày đánh giá định kỳ.

5. Đăng kiểm viên đủ điều kiện cấp lại Giấy chứng nhận, muốn đánh giá bổ sung công đoạn sẽ được đánh giá để cấp lại Giấy chứng nhận sau thời gian 03 tháng.

6. Trình tự thủ tục công nhận và cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên được thực hiện như cấp lần đầu.

Điều 21. Thủ tục đề nghị công nhận, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên[6]

1. Hồ sơ cấp lần đầu đối với đăng kiểm viên xe cơ giới bao gồm:

a) Đơn đề nghị của cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 5* hoặc văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên của cơ quan, tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục 6* ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Lý lịch chuyên môn theo mẫu quy định tại Phụ lục 4* ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp đại học theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư này kèm theo bảng điểm các môn học;

d) Bản sao Giấy chứng nhận hoàn thành lớp Tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm xe cơ giới;

đ) Bản sao có chứng thực chứng chỉ tiếng Anh (còn hiệu lực);

e) Ảnh màu (file ảnh mềm, chụp trong vòng 06 tháng).

---

[6] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015.

* *Ghi chú:* Trong Văn bản hợp nhất này:

- Phụ lục 2 được thể hiện bằng Phụ lục 2a vì: Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại nội dung của khoản 4 Điều 1 Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT;

- Phụ lục 4 được thể hiện bằng Phụ lục 6: vì theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT thì Phụ lục 4 của Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT được thay thế cho Phụ lục 6 của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT;

- Phụ lục 5 được thể hiện bằng Phụ lục 5a vì: Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại nội dung của khoản 5 Điều 1 Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT;

- Phụ lục 6 được thể hiện bằng Phụ lục 6a vì: Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại nội dung của khoản 5 Điều 1 Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT;

2. Hồ sơ cấp lần đầu đối với đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao bao gồm:

a) Đơn đề nghị của cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 5* hoặc văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên của cơ quan, tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Lý lịch chuyên môn theo mẫu quy định tại Phụ lục 4* ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có bổ sung);

c) Bản sao Giấy chứng nhận hoàn thành lớp Tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm xe cơ giới bậc cao;

d) Bản sao có chứng thực chứng chỉ tiếng Anh (còn hiệu lực);

đ) Ảnh màu (file ảnh mềm, chụp trong vòng 06 tháng).

3. Hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên bao gồm:

a) Đơn đề nghị của cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 5* hoặc văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên của cơ quan, tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục 6* ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Phiếu đánh giá đăng kiểm viên;

c) Ảnh màu (file ảnh mềm, chụp trong vòng 06 tháng).

Điều 22. Trình tự công nhận và cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên[7]

1. Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Điều 21 của Thông tư này và nộp 01 bộ hồ sơ đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

2. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ (đối với trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác).

3. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành đánh giá hồ sơ. Nếu hồ sơ đạt thì quyết định công nhận, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên sau 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp không đạt, sau 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả đánh giá hồ sơ, Cục Đăng kiểm Việt Nam có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

---

[7] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015.

* *Ghi chú*: Trong Văn bản hợp nhất này:

- Phụ lục 4 được thể hiện bằng Phụ lục 6: vì theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT thì Phụ lục 4 của Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT được thay thế cho Phụ lục 6 của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT;

- Phụ lục 5 được thể hiện bằng Phụ lục 5a vì: Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại nội dung của khoản 5 Điều 1 Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT;

- Phụ lục 6 được thể hiện bằng Phụ lục 6a vì: Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại nội dung của khoản 5 Điều 1 Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT;

4. Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

Điều 23. Thu hồi Giấy chứng nhận[8]

Đăng kiểm viên bị thu hồi Giấy chứng nhận khi vi phạm một trong các hành vi sau đây với mức độ bị xử lý kỷ luật tương đương hình thức cảnh cáo trở lên:

1. Vi phạm các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, quy định về kiểm định xe cơ giới.

2. Có hành vi tiêu cực, sách nhiễu, cố ý gây khó khăn cho khách hàng trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các quy định của Thông tư này tại các Trung tâm đăng kiểm trên phạm vi toàn quốc.

2. Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện và kiểm tra việc thực hiện quy định của Thông tư này tại các Trung tâm đăng kiểm trực thuộc.

3. Đối với lãnh đạo Trung tâm đăng kiểm, phụ trách dây chuyền, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đã được bổ nhiệm, công nhận, cấp Giấy chứng nhận và Thẻ đăng kiểm viên nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Chương II (trừ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7) của Thông tư này có trách nhiệm hoàn thành các lớp tập huấn để đáp ứng tiêu chuẩn trong thời hạn không quá 03 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 25. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành[9]

---

[8] Cụm từ "Thẻ Đăng kiểm viên" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015.

[9] Điều 2 Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015 quy định như sau:

"1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015.

2. Bãi bỏ Phụ lục 4 của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT; thay thế các Phụ lục 3, 5, 6 của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT bằng Phụ lục 1, 3, 4 tương ứng ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đối với đăng kiểm viên đã được cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT, Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm xây dựng lộ trình đánh giá để cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên theo quy định của Thông tư này và hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2017.

4. Giấy chứng nhận đăng kiểm viên đã được cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT còn thời hạn thì vẫn có giá trị sử dụng đến thời điểm được cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên theo quy định tại khoản 3 Điều này.

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và bãi bỏ các văn bản sau đây:

a) Quyết định số 1643/1998/QĐ-BGTVT ngày 06/7/1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ đăng kiểm tại các Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

b) Quyết định số 3165/2002/QĐ-BGTVT ngày 02/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ đăng kiểm tại các Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ được ban hành kèm theo Quyết định số1643/1998/QĐ-BGTVT ngày 06/7/1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

c) Thông tư số 07/2011/TT-BGTVT ngày 07/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ đăng kiểm tại các đơn vị đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ được ban hành kèm theo Quyết định số 1643/1998/QĐ-BGTVT ngày 06/7/1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Các quy định về khen thưởng và kỷ luật đối với lãnh đạo, nhân viên các Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thực hiện theo Thông tư số 42/2012/TT-BGTVT ngày 16/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đăng kiểm.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 04/VBHN-BGTVT

XÁC NHẬN VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2015

BỘ TRƯỞNG

Đinh La Thăng

---

5. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”

Phụ lục 1

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN HOÀN THÀNH LỚP TẬP HUẤN NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../20...../ĐKVN	*Hà Nội, ngày... tháng... năm 20.....*

GIẤY CHỨNG NHẬN HOÀN THÀNH LỚP TẬP HUẤN NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Ông (Bà):

Năm sinh:

Nơi sinh:

Đơn vị công tác:

Đã hoàn thành: *(tên chương trình tập huấn)*

Địa điểm:

Thời gian:

Nội dung tập huấn: *(các nội dung tập huấn)*

Kết quả:

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN HOÀN THÀNH LỚP TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI/BẬC CAO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..... /20...../ĐKVN	*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 20.....*

GIẤY CHỨNG NHẬN HOÀN THÀNH LỚP TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI/BẬC CAO

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Ông (Bà):

Năm sinh:

Nơi sinh:

Đơn vị công tác:

Đã hoàn thành: *(tên chương trình tập huấn)*

Địa điểm:

Thời gian:

Nội dung tập huấn: *(các nội dung tập huấn)*

Kết quả:

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2a[10]

MẪU PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐĂNG KIỂM VIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT ngày 12/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐĂNG KIỂM VIÊN

Hôm nay, ngày... tháng... năm..., tại Trung tâm Đăng kiểm... Chúng tôi gồm:

1. Ông (bà):.....;

2. Ông (bà):.....;

3. Ông (bà):.....;

Đã tiến hành kiểm tra, đánh giá trực tiếp việc thực hành kiểm định của đăng kiểm viên xe cơ giới:.....

I. Tự đánh giá của đăng kiểm viên	**Đạt**	**Không đạt**
1) Kiểm tra Công đoạn 1 và Lập Hồ sơ phương tiện	☐	☐
2) Kiểm tra Công đoạn 2	☐	☐
3) Kiểm tra Công đoạn 3	☐	☐
4) Kiểm tra Công đoạn 4	☐	☐
5) Kiểm tra Công đoạn 5	☐	☐

II. Kết quả kiểm tra đăng kiểm viên	**Đạt**	**Không đạt**
1) Kiểm tra Công đoạn 1 và lập Hồ sơ phương tiện	☐	☐
2) Kiểm tra Công đoạn 2	☐	☐
3) Kiểm tra Công đoạn 3	☐	☐
4) Kiểm tra Công đoạn 4	☐	☐
5) Kiểm tra Công đoạn 5	☐	☐

[10] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại nội dung của khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015.

III. Lý do không đạt *(nếu có cần ghi rõ các lỗi)*

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

IV. Yêu cầu khắc phục

.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản đã được thông qua và lập thành 02 bản, một bản lưu tại Trung tâm đăng kiểm, một bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Trung tâm đăng kiểm	**Đăng kiểm viên**	**Đánh giá viên**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

- Đăng kiểm viên tự đánh giá vào Mục I.

- Đánh giá viên đánh giá kết quả của đăng kiểm viên vào Mục II.

- Đánh dấu (X) vào các ô thích hợp.

Phụ lục 3[11]

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN XE CƠ GIỚI/ BẬC CAO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT ngày 12/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKVN-VAR

Hà Nội, ngày… tháng… năm 20.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Ông (Bà):.....

Ngày sinh:.....

Đơn vị công tác:.....

Được công nhận là: Đăng kiểm viên xe cơ giới/bậc cao

Mã số đăng kiểm viên:.....

Được thực hiện công việc:.....

CĐ 1	CĐ 2	CĐ 3	CĐ 4	CĐ 5

.....

.....

.....

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến: ...../...../.....

CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

[11] Phụ lục này được thay thế bởi Phụ lục 1 theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015.

Phụ lục 4[12]
MẪU THẺ ĐĂNG KIỂM VIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

[12] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015.

Phụ lục 5[13]
NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT ngày 12/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Nội dung chương trình tập huấn nghiệp vụ

1. Đối với Nhân viên nghiệp vụ

a) Tổng quan về Đăng kiểm Việt Nam; đạo đức nghề nghiệp; Quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đăng kiểm; Quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

b) Tập huấn văn bản quy phạm pháp luật về các quy định, hướng dẫn nghiệp vụ; yêu cầu về hồ sơ kiểm định; trình tự, thủ tục thực hiện kiểm định; phân loại phương tiện, phí, lệ phí kiểm định; quản lý hồ sơ, báo cáo, truyền số liệu kiểm định;

c) Hướng dẫn sử dụng Chương trình quản lý kiểm định xe cơ giới; Chương trình tra cứu dữ liệu phương tiện và các phần mềm quản lý khác.

2. Đối với đăng kiểm viên xe cơ giới

a) Tổng quan về Đăng kiểm Việt Nam; đạo đức nghề nghiệp; Quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đăng kiểm; Quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

b) Tập huấn văn bản quy phạm pháp luật: các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động kiểm định xe cơ giới;

c) Hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, quy định và thực hiện kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới;

d) Hướng dẫn sử dụng thiết bị kiểm định và các chương trình, phần mềm quản lý kiểm định xe cơ giới: nguyên lý, kết cấu, hướng dẫn sử dụng các thiết bị kiểm định; chương trình quản lý kiểm định xe cơ giới, tra cứu thông tin phương tiện;

đ) Học viên phải thực hành kiểm định xe cơ giới tại các đơn vị đăng kiểm trong thời gian 06 tháng và phải đảm bảo thực hành kiểm định, lập hồ sơ tối thiểu 200 xe.

3. Đối với đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao

a) Tập huấn văn bản quy phạm pháp luật: các quy định, hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong kiểm định, thử nghiệm, kiểm tra chứng nhận kiểu xe cơ giới;

b) Tập huấn nghiệp vụ kỹ thuật: phân tích kết cấu; chẩn đoán trạng thái kỹ thuật, hư hỏng và nguyên nhân hư hỏng của các chi tiết, hệ thống, tổng thành xe cơ giới và biện pháp khắc phục; thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo;

c) Giới thiệu các chuyên đề: khuyến nghị của Tổ chức Kiểm định ô tô quốc tế trong công tác kiểm định, quản lý chất lượng các đơn vị đăng kiểm; an toàn giao thông và giám định tai nạn giao thông đường bộ; các yêu cầu về hướng dẫn thực hành đối với đăng kiểm viên xe cơ giới.

---

[13] Phụ lục này được thay thế bởi Phụ lục 3 theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015.

Phụ lục 5a[14]

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT ngày 12/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Tôi là:..... Sinh ngày:.....

Nơi sinh:.....

Chỗ ở hiện nay:.....

Giấy chứng minh nhân dân số:..... cấp ngày:.....

Nơi cấp:.....

Đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên:..... ..... (xe cơ giới/ bậc cao).

Xin gửi kèm theo:

1. Lý lịch chuyên môn theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này (trong trường hợp cấp lần đầu).

2. Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp đại học kèm theo bảng điểm các môn học (trong trường hợp cấp lần đầu).

3. Bản sao Giấy chứng nhận hoàn thành lớp Tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm xe cơ giới (trong trường hợp cấp lần đầu)/Phiếu đánh giá đăng kiểm viên (trong trường hợp cấp lại).

4. Bản sao có chứng thực chứng chỉ tiếng Anh còn hiệu lực (trong trường hợp cấp lần đầu).

5. Ảnh màu (file ảnh mềm, chụp trong vòng 06 tháng).

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày..... tháng..... năm 20....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

[14] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại nội dung của khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015.

Phụ lục 6[15]

MẪU LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT ngày 12/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN

(Sử dụng để đề nghị công nhận, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên)

Phần I

TỰ THUẬT VỀ BẢN THÂN

- Họ và tên:
- Sinh ngày:
- Dân tộc:
- Giới tính: Nam/Nữ
- Nơi sinh:
- Tôn giáo:
- Quê quán:
- Chỗ ở hiện nay:
- Trình độ chuyên môn:
- Trình độ ngoại ngữ:
- Chức danh đăng kiểm viên:
- Đơn vị công tác:

1. Đào tạo chuyên môn

Tên trường đào tạo	Thời gian	Chuyên môn	Trình độ

2. Tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm xe cơ giới

Tên lớp tập huấn	Địa điểm	Nơi tập huấn	Thời gian (từ ngày đến ngày)	Kết quả

3. Quá trình công tác chuyên môn, nghiệp vụ

TT	Chức danh đảm nhiệm	Chức vụ	Thời gian (từ ngày đến ngày)	Đơn vị công tác

4. Khen thưởng kỷ luật

TT	Hình thức khen thưởng, kỷ luật	Ngày ra quyết định	Thời hạn kỷ luật	Cơ quan ra quyết định

[15] Phụ lục này được thay thế bởi Phụ lục 4 theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015.

Phần II
TỰ ĐÁNH GIÁ BẢN THÂN

Đối chiếu với tiêu chuẩn đăng kiểm viên kiểm định xe cơ giới.....

Tôi tự xác định như sau:

- Về phẩm chất đạo đức:.....
- Về chuyên môn:.....
- Về trình độ ngoại ngữ:.....
- Về trình độ nghiệp vụ đăng kiểm:.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng, nếu có gì sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Xác nhận của đơn vị

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 6a[16]

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT ngày 12/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

ĐƠN VỊ: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên cho *(số lượng)* các ông (bà) thuộc..... theo danh sách dưới đây:

A. Cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên lần đầu

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành đào tạo	Trình độ tiếng Anh	Kinh nghiệm công tác	Ghi chú
I	Cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới					
II	Cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao					

B. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giấy chứng nhận đăng kiểm viên đã cấp (số, ngày)	Ngày đánh giá đăng kiểm viên, số công đoạn đạt	Ghi chú
I	Cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới				
II	Cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao				

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

[16] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại nội dung của khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015.